

Bản án số: 948/2023/HC-PT

Ngày 27-10-2023

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc và ông Lê Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 460/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2689/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị H - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Minh T – Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Địa chỉ: Số A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Văn M, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. (Vắng mặt)

- Ông Võ Văn B1, Chuyên viên Chi cục Quản lý đất đai tỉnh B. (Có mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Ngọc T1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L. (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Thanh C – Chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng – Môi trường xã L. (Có mặt)

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 14-7-2021, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ ban hành Văn bản số 7627/UBND-PTNMT về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B, ngụ tại ấp C, xã L (viết tắt là Văn bản 7627). Trong đó có nội dung:

Tại mục 3 Văn bản 7627: Hiện nay, diện tích đất 5.352m² chưa được san lấp, chưa được đầu tư đồng bộ về đường giao thông, điện, thoát nước, cây xanh cũng như chưa được UBND tỉnh cho chủ trương và kinh phí để đầu tư dự án Khu dân cư do đó việc giải quyết kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B về việc giao phần diện tích đất còn lại do cha ông trước đây đã hiến tại xã L là không thể xem xét giải quyết.

Do đó, căn cứ Điểm g Khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, ngày 23/6/2021 Phòng T4 có Báo cáo số 245/BC-PTNMT kiến nghị UBND huyện xem xét giao cho ông Nguyễn Thanh B 01 lô đất tại Khu dân cư K, xã P do nhận thấy ông Nguyễn Thanh B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay được giao đất ở trên địa bàn huyện Đ và thuộc đối tượng đủ điều kiện giao đất ở mới không thông qua hình thức đấu giá theo quy định.

Tuy nhiên, hiện nay UBND Huyện đang tập trung khắc phục hậu quả đối với 235 lô đất cấp sai quy định được chỉ ra sau kết luận thanh tra nên tạm thời chưa xem xét các trường hợp giao đất ở mới.

Không đồng ý với nội dung trả lời trên ông Nguyễn Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14-7-2021 của UBND huyện Đ về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B.

- Buộc UBND huyện Đ giao 5.352m² đất thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L, huyện Đ cho ông Nguyễn Thanh B quản lý sử dụng.

Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Vào khoảng năm 1976, ông Nguyễn Văn Đ (cha ông Nguyễn Thanh B) khai hoang và canh tác khu đất (không có giấy tờ) có diện tích 6.544m² thuộc các thửa đất số 113, 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L, huyện Đ.

Năm 1979, ông Võ Thanh X - Chủ tịch UBND xã L đã chỉ đạo các ban ngành đến vận động ông Đặng h phần diện tích đất trên để xây dựng Bến xe lam công cộng nên ông Đ đã đồng ý hiến toàn bộ diện tích đất này cho UBND xã L. Việc hiến đất

chỉ thỏa thuận miệng với UBND Láng Dài chứ không lập biên bản hiện đất và không nhận được bất cứ một chế độ nào.

Đến nay, nhu cầu sử dụng đất để phục vụ cho mục đích công cộng không còn. Một phần trong diện tích đất trên đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân khác, cụ thể:

- Thừa đất số 113 hiện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T2 với diện tích là 300m².

- Thừa đất số 83 hiện do ông Trần Văn Bé H1 đang sử dụng và xây dựng nhà ở từ năm 2005 đến nay với diện tích khoảng 300m² và trên thửa đất này UBND xã L đã xây dựng trụ sở ấp G với diện tích 492m².

- Thừa đất số 151 do ông Tô Quang M1 sử dụng xây dựng nhà ở với diện tích khoảng 100m² được UBND xã L xây dựng nhà tình thương vào năm 2002.

Và một phần diện tích đất còn lại khoảng 5.352m² thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83 hiện trạng là đất trống, đang bỏ hoang không ai sử dụng.

Trong khi đó, ông B không có đất để xây nhà ở nên từ năm 2018 đến nay liên tục làm đơn kiến nghị UBND huyện Đ xem xét giao phần diện tích đất còn lại (5.352m² thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L) mà trước đây ông Đặng h cho ông B để canh tác và xây dựng nhà để ở.

Ngày 10-12-2019, UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 9704/UBND-PTNMT trả lời nội dung kiến nghị của ông B, theo đó UBND huyện Đ cho rằng việc ông B kiến nghị giao đất ở nằm trong phần diện tích đất 5.352m² tại khu vực H, ấp G thuộc xã L là phù hợp. Tuy nhiên, do phần diện tích đất kiến nghị giao đất ở không có trong kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2019 nên việc giao đất ở cho ông tại thời điểm này là chưa thực hiện được và yêu cầu ông B chờ sau khi U phần diện tích đất 5.352m² thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L này vào kế hoạch sử dụng đất của Huyện năm 2020 thì UBND Huyện sẽ xem xét việc giao đất ở cho ông B.

Đến năm 2021, ông B vẫn không được UBND huyện Đ xem xét giao đất như nội dung tại Văn bản số 9704/UBND-PTNMT ngày 10-12-2019 của UBND huyện Đ nên ngày 05-4-2021 ông B làm đơn kiến nghị gửi đến UBND huyện Đ.

Ngày 14-7-2021, UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14-7-2021 của UBND huyện Đ về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B theo đó việc giao phần diện tích đất còn lại do cha ông trước đây đã hiến tại xã L là không thể xem xét giải quyết.

Do vậy, ông B khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Hủy Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14-7-2021 của UBND huyện Đ;
- Buộc UBND huyện Đ giao trả 5.352m² đất thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L, huyện Đ cho ông B quản lý, sử dụng.

Người bị kiện UBND huyện Đ trình bày:

Ngày 19-6-2018 ông Nguyễn Thanh B có đơn với nội dung: Năm 1982 cha ông B tên Nguyễn Văn Đ được vận động hiến cho xã L, huyện L (nay là huyện Đ)

diện tích khoảng 20.000m² tại ngã ba G để lấy đất phục vụ cho công trình. Ông Đặng hiến đất chỉ thỏa thuận với UBND xã L, không có biên bản giao nhận nên không nhận được bất cứ một chế độ nào. Đến nay nhu cầu đất phục vụ san lấp công trình công cộng không còn, thửa đất này đã thành cái nhúng cái ao, UBND xã L đã lấy phần đất này cấp cho một số cán bộ xã và những gia đình khác. Hiện tại, trên phần đất này còn lại khoảng 3.600m² chưa có ai sử dụng. Do khó khăn, không có nhà ở nên ông B yêu cầu UBND huyện Đ xem xét cấp lại cho ông phần diện tích đất còn lại để ở và canh tác.

Trong buổi làm việc ngày 21-8-2019, ông B không kiến nghị UBND huyện giao đất để canh tác nông nghiệp mà kiến nghị giao đất ở trên phần đất mà trước đây cha ông B là ông Nguyễn Văn Đ đã hiến đất. Vị trí đất ông B kiến nghị giao có hướng Tây giáp với đường đi vào ấp G, hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn P (thuộc thửa đất 151, 164).

Ngày 17-10-2018, UBND xã L có Báo cáo số 195/BC-UBND nội dung nêu:

- Phần diện tích đất mà ông B cho rằng cha ông là ông Nguyễn Văn Đ đã hiến cho Nhà nước thuộc khu vực H, ấp G.

- Về hiện trạng: Khu đất có diện tích là 6.544m², thuộc các thửa đất số 113, 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24. Trong đó, thửa đất số 113 hiện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T2, với diện tích là 300m². Trên thửa đất số 83 hiện do ông Trần Văn Bé H1 đang sử dụng và xây dựng nhà ở từ năm 2005 cho đến nay, với diện tích khoảng 300m² và trên thửa đất này UBND xã đã xây dựng trụ sở ấp G, với diện tích 492m². Trên thửa đất số 151 do ông Tô Quang M1 sử dụng xây dựng nhà ở với diện tích khoảng 100m², được UBND xã giao nhà tình thương vào năm 2002. Diện tích đất còn lại 5.352m², thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, hiện trạng là đất trống chưa sử dụng.

- Ngày 19-9-2018, UBND xã tiến hành xác minh các cán bộ (ông Trần Văn T3 - Nguyên Chủ tịch Hội nông dân xã; ông Nguyễn Văn P – Tổ trưởng Tổ dân cư) đã công tác tại địa phương từ năm 1976. Tại buổi xác minh và làm việc, các cán bộ công tác tại địa phương từ năm 1976, đều cho biết: *“Vào khoảng năm 1976-1977 thì phần đất tại khu vực Hàm Sỏi là do ông Nguyễn Văn Đ canh tác và sử dụng, đến khoảng năm 1979 thì ông Võ Thanh X là Chủ tịch UBND xã L đã chỉ đạo các ngành đến vận động gia đình ông Nguyễn Văn Đ hiến phần diện tích đất tại khu vực H cho Nhà nước, để xây dựng Bến xe lam công cộng. Đồng thời, các hộ dân còn cho biết theo nội dung đơn ông Nguyễn Thanh B cho rằng cha ông đã hiến đất cho Nhà nước là 20.000m² là không đúng với thực tế, vì tại thời điểm vận động ông Nguyễn Văn Đ hiến đất thì diện tích khoảng 8.000m²”*.

- Hiện nay, toàn bộ phần diện tích đất tại khu vực H, UBND xã L đã thống kê vào quỹ đất công do Nhà nước quản lý.

Ngày 10-12-2019, UBND huyện có Văn bản số 9704/UBND-PTNMT trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B về việc giao đất ở cho ông Nguyễn Thanh B tại thời điểm này là chưa thực hiện được. Sau khi U phần diện tích đất 5.352m², thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24, xã L

vào Kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2020, sẽ xem xét việc giao đất ở cho ông Nguyễn Thanh B.

Ngày 05-4-2021, lãnh đạo UBND huyện Đ nhận được phản ánh của ông Nguyễn Thanh B về việc xem xét giao đất cho ông B phần diện tích còn lại mà trước đây cha ông đã hiến.

Ngày 14-7-2021, UBND Huyện có Văn bản số 7627/UBND-PTNMT trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B. Nội dung nêu:

“Hiện nay, diện tích đất 5.352m² chưa được san lấp, chưa được đầu tư đồng bộ về đường giao thông, điện, thoát nước, cây xanh cũng như chưa được UBND tỉnh cho chủ trương và kinh phí để đầu tư dự án Khu dân cư do đó việc giải quyết kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B về việc giao phần diện tích đất còn lại do cha ông trước đây đã hiến tại xã L là không thể xem xét giải quyết.

Do đó, căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, ngày 23/6/2021 Phòng T4 có Báo cáo số 245/BC-PTNMT kiến nghị UBND huyện xem xét giao cho ông Nguyễn Thanh B 01 lô đất tại Khu dân cư K, xã P do nhận thấy ông Nguyễn Thanh B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay được giao đất ở trên địa bàn huyện Đ và thuộc đối tượng đủ điều kiện giao đất ở mới không thông qua hình thức đấu giá theo quy định.

Tuy nhiên, hiện nay UBND huyện đang tập trung khắc phục hậu quả đối với 235 lô đất cấp sai quy định được chỉ ra sau kết luận thanh tra nên tạm thời chưa xem xét các trường hợp giao đất ở mới”.

UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14-7-2021 trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B là đúng quy định pháp luật.

Đối với nội dung ông Nguyễn Thanh B đề nghị buộc UBND huyện Đ giao trả diện tích đất 5.352m², thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tại xã L cho ông B là không có cơ sở để giao đất theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013.

Vì vậy, UBND huyện Đ đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ý kiến UBND xã L:

UBND xã L thống nhất với ý kiến của UBND huyện Đ. Diện tích đất 5.352m² thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tại xã L là đất công do UBND xã L quản lý theo Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 27-11-2019 của UBND tỉnh B. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Ý kiến của UBND tỉnh B:

Theo nguồn gốc đất ông Nguyễn Thanh B trình bày và kết quả giải quyết của UBND huyện Đ tại Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14-7-2021, UBND tỉnh thống nhất với ý kiến giải quyết của UBND huyện Đ. Bởi vì, diện tích đất trên cha ông B đã hiến tặng cho UBND xã láng Dài để làm bến xe Lam công cộng, nhưng

ông B cho rằng tại thời điểm cha ông hiến đất UBND xã L không lập Biên bản hiến đất, do tại thời điểm này Luật Đất đai chưa có, nay việc hiến đất phải lập bằng văn bản quy định tại khoản 3 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Điều này, đồng nghĩa cha ông B đã chuyển giao các thửa đất cho Nhà nước, cụ thể là UBND xã L quản lý, sử dụng và trên thực tế, tại thời điểm đó chính quyền đã sử dụng thửa đất này làm bến xe Lam.

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 thì ông Nguyễn Thanh B không thể đòi lại thửa đất đã hiến tặng. Nếu ông B có nhu cầu hoặc khó khăn về đất ở hoặc đất canh tác, ông Nguyễn Thanh B có thể làm đơn đề nghị UBND huyện Đ để được xem xét giao đất nông nghiệp để canh tác, sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Đất đai năm 2013 hoặc giao đất ở (Giao đất có thu tiền sử dụng đất), không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm g, Điều 118 Luật Đất đai năm 2013. Thẩm quyền giao đất thuộc UBND huyện Đất

Việc ông Nguyễn Thanh B khởi kiện hủy Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14/7/2021 của UBND huyện Đ về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B. Buộc UBND huyện Đ giao trả 5.352m² đất thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83; tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L, huyện Đ cho ông là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Yêu cầu Tòa án nhân dân bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B về việc yêu cầu hủy Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14-7-2021 của UBND huyện Đ về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B và buộc UBND huyện Đ giao 5.352m² đất thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L, huyện Đ cho ông Nguyễn Thanh B.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17-3-2023, người khởi kiện ông Nguyễn Thanh B có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Thanh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 điều 26 Luật Đất đai năm 2013 bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B là trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[2] Xét tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm bên khởi kiện, bên bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác nhận diện tích đất 5.352m² đất thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L, huyện Đ ông Nguyễn Thanh B đang khiếu kiện nằm trong tổng diện tích 6.544m², có nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn Đ (cha ông Nguyễn Văn B2) khai hoang năm 1976 nhưng chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1979, cụ Nguyễn Văn Đ đã hiến toàn bộ diện tích đất nêu trên cho UBND xã L để xây dựng Bến xe lam công cộng.

[3] Căn cứ Điều 79 của Luật Tổ tụng hành chính thì các tình tiết, sự kiện trên được các bên đương sự thừa nhận là sự thật không phải chứng minh.

[4] Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số: 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc H2 và khoản 5 điều 26 Luật Đất đai 2013 quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

[5] Như vậy, căn cứ vào các quy định nêu trên thì việc năm 1979 cụ Đ đã hiến đất cho Nhà nước để thực hiện quản lý, khai thác, thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đến nay ông Nguyễn Thanh B là con của cụ Đặng đòi UBND huyện Đ phải trả lại diện tích đất còn lại của cụ Đ đối với diện tích đất 5.352m² cho ông B quản lý, sử dụng là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B là phù hợp pháp luật. Ông B Kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số: 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc H2; Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B về việc yêu cầu Tòa án: Hủy Văn bản số 7627/UBND-PTNMT ngày 14-7-2021 của UBND huyện Đ về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B và buộc UBND huyện Đ giao 5.352m² đất thuộc các thửa đất số 114, 115, 130, 151, 164, 83, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã L, huyện Đ cho ông Nguyễn Thanh B.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000799 ngày 22-3-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc

Lê Văn An

Nguyễn Văn Khương